

Bản án số: 02 /2025 /HSST

Ngày 24- 7- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chắt và bà Trần Thị Lệ Dung.

-Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4-Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Ninh Bình tham gia phiên toà:
Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2025/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2025 (của Tòa án nhân dân huyện Y cũ) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 11/7/2025 đối với bị cáo:

Trần Ngọc V, sinh năm 1990 tại tỉnh Ninh Bình; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, nay là xã K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12. Con ông Trần Văn C và bà Dương Thị Tuyết . Vợ Đinh Thị L, đã ly hôn: Có 01 con sinh năm 2015;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án số 111/2022/HSST ngày 29/9/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố N (nay là khu vực 1- Ninh Bình), tỉnh Ninh Bình xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/4/2024, Trần Ngọc V chấp hành xong hình phạt tù;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 28/7/2015, bị Công an phường N, thành phố N (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình) xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 28/7/2015, Trần Ngọc V chấp hành xong Quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/4/2025 đến ngày 24/4/2025 chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình nay là Trại tạm giam số 1. Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Quang L1, sinh năm 1998; nơi cư trú thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nay là xã N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Anh Vũ Văn T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định, nay là xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1992; nơi cư trú: xóm G, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nay là xóm G, xã K, tỉnh Ninh Bình
 - Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1983; nơi cư trú: xóm B, H, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nay là xã K, tỉnh Ninh Bình.
 - Ông Trần Văn C1, sinh năm 1963; nơi cư trú: xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nay là xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình.
 - Ông Trần Văn C, sinh năm 1963; nơi cư trú: xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nay là xóm H, xã K tỉnh Ninh Bình.
- (Đều vắng mặt).

Người làm chứng:

- Anh Vũ Xuân T3. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 16/4/2025, anh Nguyễn Quang L1 và các anh Vũ Văn T, Vũ Xuân T3 đi xe ô tô bơm bê tông biển kiểm soát 18CD-000.84 đến đoạn đường thuộc xóm D, xã K, huyện Y (nay là xã K) tỉnh Ninh Bình thì dừng xe, xuống làm việc. Khi xuống xe, anh T3 không khóa cửa cabin, anh T để 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12, anh L1 để 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus (trong ốp điện thoại có số tiền 100.000 đồng) tại giường phía sau ghế phụ; ngoài ra anh L1 còn để số tiền 125.000 đồng tại học đựng đồ trong cabin xe.

Khoảng 08 giờ cùng ngày, Trần Ngọc V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-168.51 đi từ nhà đến xóm D, xã K, huyện Y (nay là xã K) thì phát hiện xe ô tô 18CD-000.84 đỗ bên đường không có người trông coi, nên V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trên xe. V đến gần thấy cửa xe không khóa nên mở cửa vào trong cabin xe tìm kiếm, lấy trộm 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12 của anh T, 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus cùng 100.000 đồng trong ốp điện thoại và 125.000 đồng trong hộc để đồ của anh L1. Sau đó, V điều khiển xe mô tô tìm nơi tiêu thụ điện thoại đã trộm cắp. Trên đường đi, V tháo các sim điện thoại ném bỏ đi rồi đến cửa hàng kinh doanh điện thoại di động “Hoàng Gia” của anh Đỗ Văn T1 ở xóm G, xã A, huyện K (nay là xã K) bán chiếc điện thoại Iphone 8 Plus cho anh T1 với số tiền 200.000 đồng. V tiếp tục đi đến cửa hàng kinh doanh điện thoại di động “Tuấn Vân” của anh Nguyễn Quốc T2, trú tại xóm B, xã H, huyện K (nay là xã K) bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy A12 cho anh T2 với số tiền 750.000 đồng rồi đi về nhà.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh T và anh L1 phát hiện bị kẻ gian trộm cắp điện thoại di động và tiền để trong cabin xe ô tô nên trình báo cơ quan Công an. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã tiếp nhận tin báo tiến hành xác minh truy xét, triệu tập Trần Ngọc V. Đến 14 giờ ngày 16/4/2025, Trần Ngọc V đến trụ sở Công an xã K (nay là xã K) đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp số tiền 225.000

đồng đã trộm cắp của anh Nguyễn Quang L1, số tiền 950.000 đồng do bán các điện thoại trộm cắp mà có và 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B1-168.51, 01 khẩu trang, 01 áo sơ mi dài tay mà V sử dụng khi trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã thu giữ của anh Đỗ Văn T1 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus và 01 ốp điện thoại, thu giữ của anh Nguyễn Quốc T2 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A12 đã mua của Trần Ngọc V.

Ngày 23/4/2025, Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A12 của anh Vũ Văn T có giá trị 1.000.000 đồng; chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus của anh Nguyễn Quang L1 có giá trị 2.600.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định, khi bán điện thoại di động cho các anh Đỗ Văn T1, Nguyễn Quốc T2, V nói là điện thoại do V nhặt được; anh T1, anh T2 không biết điện thoại là tài sản do V trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T1, anh T2.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-168.51 mà V điều khiển khi đi trộm cắp là tài sản của ông Trần Văn C1 đã cho ông Trần Văn C (là cha của Trần Ngọc V) mượn. Ông C1, ông C không biết việc V sử dụng xe đi trộm cắp, tiêu thụ tài sản. Cơ quan điều tra đã trả cho ông C1 xe mô tô 35B1-168.51 cùng giấy chứng nhận đăng ký của xe;

Đồng thời cơ quan điều tra đã trả cho anh Vũ Văn T 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12, anh Nguyễn Quang L1 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, 01 ốp điện thoại và số tiền 225.000 đồng; trả cho anh Đỗ Văn T1 số tiền 200.000 đồng, anh Nguyễn Quốc T2 số tiền 750.000 đồng. Ông Trần Văn C1 và các anh Vũ Văn T, Nguyễn Quang L1, Đỗ Văn T1, Nguyễn Quốc T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với các sim điện thoại của anh T và anh L1 bị V ném đi, quá trình điều tra không thu giữ được.

Vật chứng còn lại gồm: 01 khẩu trang, 01 áo sơ mi dài tay thu giữ của Trần Ngọc V chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Y quản lý để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSYK ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Ninh Bình) đã truy tố bị cáo Trần Ngọc V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Ngọc V phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 16/4/2025. Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc khẩu trang, 01 áo sơ mi do bị cáo không có nhu cầu trả lại. Về án phí: áp dụng khoản

2 Điều 136 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y (nay là Viện kiểm sát khu vực 4 - Ninh Bình), phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường; kết luận định giá tài sản, tệp video được trích xuất từ camera hành trình của chiếc xe ô tô bơm bê tông, video thu tại camera tại cửa hàng điện thoại của anh T2, video tại camera của cửa hàng điện thoại của anh T1 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng 8 giờ sáng ngày 16/4/2025, tại xóm D, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là xã K, tỉnh Ninh Bình) lợi dụng sơ hở của các anh Vũ Văn T, Nguyễn Quang L1 trong việc quản lý tài sản, để tài sản trên chiếc xe ô tô đang bơm bê tông biển kiểm soát 18CD-000.84 cho nhà dân, xe không khoá cửa cabin, không có người trông coi, Trần Ngọc V đã lén lút vào bên trong xe ô tô chiếm đoạt 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12 trị giá 1.000.000 đồng của anh T và 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus trị giá 2.600.000 đồng cùng số tiền 225.000 đồng của anh L1 (gồm 100.000đồng để trong ốp điện thoại và 125.000đồng để trong hộc để đồ của cabin) trên xe ô tô rồi mang đi bán mục đích tiêu sài cá nhân. Tổng giá trị tài sản Trần Ngọc V đã chiếm đoạt là 3.825.000 đồng.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Y (nay là Viện kiểm sát khu vực 4- Ninh Bình) truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được luật Hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an toàn cho xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo là người có tiền án về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 111/2022/HSST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình (nay là khu vực 1- Ninh Bình), tỉnh Ninh Bình bị xử phạt 27 tháng tù chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đã tự giác giao nộp số tiền trộm cắp và số tiền đã bán tài sản trộm cắp để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về nhân thân: năm 2015, Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Từ các phân tích đánh giá trên cần áp dụng hình phạt tù tương xứng cách ly bị cáo với xã hội để bị cáo có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và cũng nhằm để giáo dục pháp luật và phòng ngừa chung.

[3].*Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại là anh Vũ Văn T, anh Nguyễn Quang L1 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; anh Đỗ Văn T1 và anh Nguyễn Quốc T2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại số tiền do các anh đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại mà bị cáo Văn mang bán. Anh Trần Văn C1 là chủ sở hữu chiếc xe mô tô đã nhận lại chiếc xe mô tô mà bị cáo V giao nộp cho cơ quan điều tra. Đến nay các anh nói trên không có yêu cầu đề nghị gì nữa nên vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 khẩu trang, 01 áo sơ mi dài tay của Trần Ngọc V giao nộp đã cũ và không có nhu cầu sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Án phí: Bị cáo bị xử có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y(nay là Viện kiểm sát khu vực 4 – Ninh Bình), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm

c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Ngọc V phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”

Xử phạt Trần Ngọc V 19 (*mười chín*) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ 16/4/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 khẩu trang, 01 áo sơ mi dài tay của bị cáo do bị cáo không có nhu cầu trả lại.

(*Vật chứng có đặc điểm số lượng theo như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2025 giữa Công an tỉnh N và chi cục Thi hành án dân sự huyện Y*).

3. Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp 200.000đồng. (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 4- Ninh Bình
- Công an tỉnh Ninh Bình
- Trại tạm giam số 1
- THADS tỉnh Ninh Bình
- Bị cáo
- Người bị hại.,
- Người QLNVLQ đến vụ án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

